

Bản án số: 552/2021/DS-ST

Ngày: 09/12/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 193/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT

Trụ sở: Đường N, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thành T, địa chỉ số TT, phường SK, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 158/2021/UQ-TTT ngày 12/4/2021). Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Hồng L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số H, Phường U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT có ông Lê Thành T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 20/11/2018, bà Phan Thị Hồng

L có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Platinum Cashback số thẻ 436438-7323 cho bà L với hạn mức sử dụng là 90.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 847.390.000 đồng, thì thời hạn thanh toán bà L phải thanh toán số tiền đến hạn nêu theo thông báo giao dịch thẻ gửi cho bà L. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh mức lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và khoản phí theo quy định tại Điều 25, Điều 27 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ cho đến ngày 05/12/2019 thì bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 804.974.962 đồng được nêu trong bảng tóm tắt sao kê. Tổng số tiền được thanh toán áp dụng theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (trừ phí lãi của kỳ trước, giao dịch sau). Sau khi trừ hết các khoản đã nêu thì số tiền giao dịch chưa thanh toán của bà L còn lại là 57.532.492 đồng gọi là gốc. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/4/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ số tiền 57.532.492 đồng còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 13/5/2021, bà L còn nợ tổng số tiền 84.802.897 đồng bao gồm: Gốc 57.532.492 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 05/4/2020 đến ngày 13/5/2021 số tiền 27.270.405 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ 14/5/2021, bà L phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc nêu trên cho đến khi thanh toán hết cho Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà L trả nợ Ngân hàng vì đây là khoản vay tín chấp không yêu cầu chông của bà L cùng có trách nhiệm với bà L giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn bà L không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa:

- Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thành T ngày 08/12/2021 yêu cầu: Buộc bà Phan Thị Hồng L trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền 99.853.399 đồng do sử dụng thẻ tín dụng số 436438-7323 gồm gốc số tiền 57.532.492 đồng và lãi quá hạn tính từ 05/4/2020 đến ngày 09/12/2021 số tiền 42.320.907 đồng với mức

lãi suất 43,2%/năm. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Phan Thị Hồng L vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT khởi kiện bà L trả số tiền còn thiếu do sử dụng thẻ tín dụng phát sinh tranh chấp từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/11/2018 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “ Bà Phan Thị Hồng L, sinh năm 1976 có hộ khẩu thường trú tại số H, Phường U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh không thực tế cư ngụ tại địa phương, hiện cư ngụ ở đâu không rõ”.

[1.3] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/9/2011 thì tại phần thông tin cá nhân bà L cung cấp cho Ngân hàng địa chỉ hiện tại số H, Phường U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, khi bà L thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và không thông báo với nguyên đơn Ngân hàng là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà L có địa chỉ tại số H, Phường U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.5] Bị đơn bà L được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Bị đơn bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.7] Đại diện nguyên đơn ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trung.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc bà Phan Thị Hồng L trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền 99.853.399 đồng do sử dụng thẻ tín dụng số 436438-7323 gồm gốc số tiền 57.532.492 đồng và lãi quá hạn tính từ 05/4/2020 đến ngày 09/12/2021 số tiền 42.320.907 đồng với mức lãi suất 43,2%/năm. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.1.1] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/11/2018 của bà L đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT thì bà L được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 90.000.000 đồng với thẻ số 436438-7323.

[2.1.2] Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”* và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*, và tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định quy định như sau: *“ 1. Chủ thẻ phải cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết theo yêu cầu của TCPHT khi ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin mà mình cung cấp.*

2. Khi sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ được thấu chi, chủ thẻ phải sử dụng tiền đúng Mục đích và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho TCPHT các Khoản tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo hợp đồng đã ký với TCPHT.”.

[2.1.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT quy định tại khoản 1.11 Điều 1 về giải thích thuật ngữ như sau: *“Dư nợ cuối kỳ của thẻ gọi tắt dư nợ là tổng dư nợ trên thẻ bao gồm giao dịch đã bút toán, phí và tiền lãi đã phát sinh trên thẻ.”*, tại Điều 20 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: *“Chủ thẻ đồng ý là là chủ thẻ đã nhận được thẻ khi thẻ được kích hoạt và/hoặc có phát sinh*

giao dịch. Chủ thẻ là các chủ thẻ chính và tất cả chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tất cả giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên thẻ do việc sử dụng thẻ thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Sacombank mà không cần có bằng chứng hóa đơn được ký hay chứng từ khác...”, tại Điều 21 quy định về thời hạn thanh toán như sau: “Chủ thẻ phải thanh toán cho Sacombank số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo giao dịch...”, tại Điều 22 về số tiền thanh toán như sau: “Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ...”, tại Điều 22 quy định về nguyên tắc thanh toán như sau: “...Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.” và tại Điều 26 quy định về vi phạm như sau: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến ngày thứ 10 của kỳ thông báo giao dịch lần 2 thì toàn bộ dư nợ tín dụng sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn. Trong trường hợp này, tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và doanh nghiệp phải thanh toán...”, thì đối chiếu bản tóm tắt sao kê của bà L thẻ số 436438-7323 các giao dịch từ ngày 05/02/2019 cho đến ngày 05/4/2020 thì bà L còn dư nợ số tiền 57.532.492 đồng và không thanh toán cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà L phải trả số tiền 57.532.492 đồng do sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên có sở chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi quá hạn:

[2.2.1 Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”.

[2.2.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 26 quy định về vi phạm như sau: “...Chấm dứt quyền quyền sử dụng thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ; Áp dụng lãi suất quá hạn phù hợp với khoản 27 Điều 1 với toàn bộ dư nợ theo quy định của Sacombank...” và tại khoản 27 Điều 1 quy định như sau: “Lãi suất trong hạn là

lãi suất được tính theo Biểu phí lãi suất do Sacombank công bố từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.”. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển nợ quá hạn từ ngày 05/4/2020 là phù hợp với quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2.4] Căn cứ Quyết định số 783/2020/QĐ-TTT ngày 23/3/2020 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam quy định mức lãi suất trong hạn là 28,8%/năm. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà L trả số tiền lãi quá hạn với mức lãi suất quá hạn 43,2%/năm tính từ ngày 05/4/2020 cho đến ngày 09/12/2021 số tiền 42.320.907 đồng là phù hợp quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn bà L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT được chấp nhận số tiền là 4.992.670 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT .

Buộc bà Phan Thị Hồng L trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT tổng số tiền là 99.853.399 đồng gồm: Nợ gốc 57.532.492 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 05/4/2020 cho đến ngày 09/12/2021 số tiền 42.320.907 đồng của thẻ số 436438-7323 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng

ngày 20/11/2018. Việc trả tiền được thực hiện một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phan Thị Hồng L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền 57.532.492 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT theo mức lãi suất được quy định theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/11/2018 đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Hồng L phải chịu 4.992.670 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.824.931 đồng theo biên lai thu tiền số 0032836 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn TT và bị đơn bà Phan Thị Hồng L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn